TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày: 19-3-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Long

Bà Trương Việt Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường – tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2018/HSST ngày 12 tháng 2 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Phùng Văn T sinh ngày 05 tháng 12 năm 1993; sinh, trú quán: Thôn T – xã T - huyện V - tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Đ và bà Lê Thị H; có vợ là Kim Thị D và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến ngày 05/02/2018 được tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Anh Bùi Văn V, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn L, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947; Trú tại: Thôn T, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 06/11/2017, sau khi chơi điện tử tại xã Y- huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Phùng Văn T đi bộ đến nhà anh Bùi Văn V để nhờ anh V đưa về nhà. Khi đến nơi, T gặp anh V đang điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future Neo, màu sơn: đỏ- đen- bạc BKS: 88K4- 7290 từ cổng đi ra, T nhờ anh V đưa về. Anh V đồng ý và điều khiển xe chở T về nhà. Trên đường đi, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên khi anh V điều khiển xe đi đến khu vực cầu Trắng thuộc thôn T - xã T – huyện Vĩnh Tường, T bảo anh V: *"Mày xuống xe chờ anh ở đây, để anh mượn xe đi có việc, tí anh về đón"*. Do tin tưởng T nên anh V xuống xe và giao chiếc xe mô tô BKS: 88K4- 7290 cho T mượn. T liền điều khiển xe đi thẳng đến nhà anh Nguyễn Văn S ở thị trấn T – huyện Vĩnh Tường để nhờ S tìm chỗ cầm cố xe. Nhưng anh S không biết chỗ cầm cố xe nên T điều khiển xe bỏ đi. Trên đường đi, khi qua nhà ông Nguyễn Văn T ở thôn T, thị trấn T – huyện Vĩnh Tường, T gặp và hỏi ông T cho vay tiền, T sẽ để lại chiếc xe mô tô làm tin nhưng do không quen biết nên ông T bảo T phải có người quen đứng ra thì mới cho vay tiền. T quay lại nhà anh S và nhờ anh S đi đến nhà ông T. Do có quen biết với ông T nên anh S đồng ý và cùng T đến nhà ông T. Tại đây, T đã vay ông T số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) rồi để lại chiếc xe mô tô trên tại nhà ông T làm tin. Số tiền trên T đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi cho T mượn xe nhưng không thấy T đem trả, anh V đã đi tìm T nhiều lần nhưng không thấy nên ngày 10/11/2017, anh V đã trình báo Công an xã T về việc bị T lừa đảo chiếm đoạt mất chiếc xe mô tô BKS: 88K4- 7290. Công an xã T đã báo cáo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Vĩnh Tường đã tổ chức điều tra theo quy định, triệu tập Phùng Văn T đến làm việc. Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường, T khai nhận rõ toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô BKS: 88K4- 7290 của anh V như đã nêu trên, đồng thời T khai nhận sau khi cầm cố được chiếc xe T không có ý định và cũng không có khả năng chuộc lại chiếc xe trên để trả lại cho anh V. Quá

trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã thu giữ được chiếc xe mô tô BKS: 88K4- 7290 do ông Nguyễn Văn T giao nộp.

Ngày 16/11/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã Trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường định giá tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future Neo, màu sơn: đỏ - đen - bạc, BKS: 88K4-7290. Ngày 30/11/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường có kết luận định giá tài sản xác định giá trị của chiếc xe mô tô trên là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKS-VT ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường - tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phùng Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T từ 09 (chín) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra bị cáo Phùng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 06/11/2017, trên đường đi nhờ xe anh Bùi Văn V về nhà, Phùng Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future neo BKS 88K4-7290 của anh V để bán lấy tiền tiêu sài. Khi anh V điều khiển xe đi đến khu vực cầu Trắng thuộc thôn T - xã T – huyện Vĩnh Tường, T bảo anh V cho mượn xe đi có việc. Do tin tưởng T nên anh V đã giao xe cho T mượn. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe tìm nơi tiêu thụ. T nhờ anh Nguyễn Văn S đứng ra bảo đảm để T cầm cố được chiếc xe mô tô trên cho ông Nguyễn Văn T vay

được số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền trên T đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường kết luận định giá tài sản xác định giá trị của chiếc xe mô tô trên là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Hành vi của T đã đủ yếu tố để cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Tại thời điểm xét xử, mặc dù Bộ luật hình sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật, thay thế cho Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng theo tinh thần hướng dẫn của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14...thì vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018. Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3]. Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ.

[4]. Xét nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bản thân bị cáo là thanh niên khoẻ mạnh, tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sa đà vào cuộc sống thiếu lành mạnh dẫn đến phạm tội. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội để chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung. Bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định được chiếc xe mô tô BKS: 88K4- 7290 là tài sản hợp pháp của ông Bùi Văn L (là bố đẻ của anh V) nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông L. Sau khi nhận được tài sản, ông Bùi Văn L và anh Bùi Văn V không yêu cầu T phải bồi thường thêm gì nên không xem xét vấn đề trách nhiệm dân sự của T đối với anh V và ông L .

Đối với ông Nguyễn Văn T là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 88K4- 7290 rồi cho T vay 1.400.000 đồng, quá trình điều tra xác định được: khi nhận cầm cố chiếc xe, ông T không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Ông T đề nghị T phải trả lại cho ông T 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại phiên toà hôm nay ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong hồ sơ đã có đủ tài liệu chứng minh cho yêu cầu của ông T là chính đáng. Bản thân T cũng đồng ý trả lại cho ông T 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) là số tiền T đã cầm cố chiếc xe cho ông T để vay tiền tiêu sài. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng)

[6]. Về hình phạt bổ sung, xét thấy: Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Trong vụ án này còn có anh Nguyễn Văn S là người Phùng Văn T nhờ đứng ra làm tin để cho T cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 88K4- 7290 cho ông Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định anh S không biết chiếc xe mô tô trên do T lừa đảo chiếm đoạt mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo Phùng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ 05/12/2017 đến 05/02/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 166, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, buộc Phùng Văn T phải hoàn trả cho ông T số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền mà T đã cầm cố chiếc xe cho ông T.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án đực thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Phùng Văn T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện V;
- CA huyện V;
- THADS huyện V;
- VKSND tỉnh V;
- Bị cáo;
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang